

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 271/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/03/2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1018/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: 37/4G ấp N, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: 37/4G ấp N, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Dương Thị H trình bày:

Bà H và Ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường đi qua đêm, có quan hệ bất chính, vợ chồng thường cãi vã, xung đột. Bà H đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2017, mạnh ai người nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau, bà H không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn với ông T. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Dương Thuận T, sinh ngày 11/7/2013, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thống nhất ý kiến trình bày của bà H về thời gian vợ chồng chung sống, kết hôn, con chung, thời gian xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc nhau. Ông cho rằng nguyên nhân chính của mâu thuẫn là về tiền bạc, do bà H gây ra và bà H muốn như vậy. Tuy nhiên, ông T xác định chỉ là những mâu thuẫn hàng ngày, có thể khắc phục được, ông mong muốn hàn gắn nhưng bà H lảng tránh, không tạo cơ hội. Do con còn nhỏ, ông mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để chăm sóc con nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Xác nhận không có nợ chung, không có tài sản chung.

Tại phiên tòa:

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm nhưng Tòa án chưa thực hiện đúng về thời hạn chuyển bị xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T xảy ra và sống ly thân từ năm 2017 nhưng các bên bỏ mặc nhau, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng; con chung do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hàng ngày. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Các đương sự đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 83/GTT ngày 22/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 112/GTT ngày 12/3/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà H có đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 15/3/2019. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2012, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông T cùng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và sống ly thân từ năm 2017, vợ chồng bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc nhau, không nói chuyện với nhau.

Bà H cho rằng đã tạo nhiều cơ hội, đã cố gắng nhiều nhưng vợ chồng vẫn bỏ mặc nhau, nay bà không còn tình cảm với ông T nên cương quyết xin ly hôn.

Ông T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hơn 02 năm nay chủ yếu về tiền bạc, tiền ai nấy xài, sống ly thân, tất cả là ý muốn của bà H, do bà H gây ra. Tuy cho rằng chỉ là mâu thuẫn hàng ngày, mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng từ ngày vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, nhất là khi tranh chấp được giải quyết tại Tòa án, được hòa giải nhiều lần nhưng ông T không có hành động thiết thực thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, cũng không đưa ra được giải pháp cụ thể để hóa giải mâu thuẫn. Ông T liên tiếp vắng mặt 02 lần tại các phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án mà không có lý do.

Theo nội dung biên bản xác minh ngày 15/02/2019, chính quyền địa phương không nắm mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật, đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ 2017 nhưng bỏ mặc nhau, không có thiện chí, không có giải pháp thiết thực để hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Giấy khai sinh số 588, quyền số 03/2013 ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H và lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Dương Thuận T, sinh ngày 11/7/2013. Bà H và ông T cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét bà H là thợ làm tóc, có tiệm làm tóc tại nhà, có công việc, thu nhập ổn định, có thời gian linh hoạt để chăm sóc con cái, thực tế bà H cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung hàng ngày. Vì vậy, việc giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích về mọi mặt của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Dương Thị H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Dương Thị H và Ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung và nuôi con chung: có 01 con chung là Nguyễn Dương Thuận T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013.

+ Giao cho Bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Dương Thuận T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2013;

+ Tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Ông Nguyễn Văn T cho đến khi có yêu cầu của Bà Dương Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004767 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Dương Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã B, Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy

